

雨

Vũ

訓

あめ、あま

音

ウ

あめ
雨

Mưa



電

Điện

訓

音

デン

でん き
電気

Điện, bóng đèn

でん わ
電話

Điện thoại

でん しゃ
電車

Tàu điện

でん ち
電池

Pin

でん げん
電源

Nguồn điện

雪

Tuyết

訓

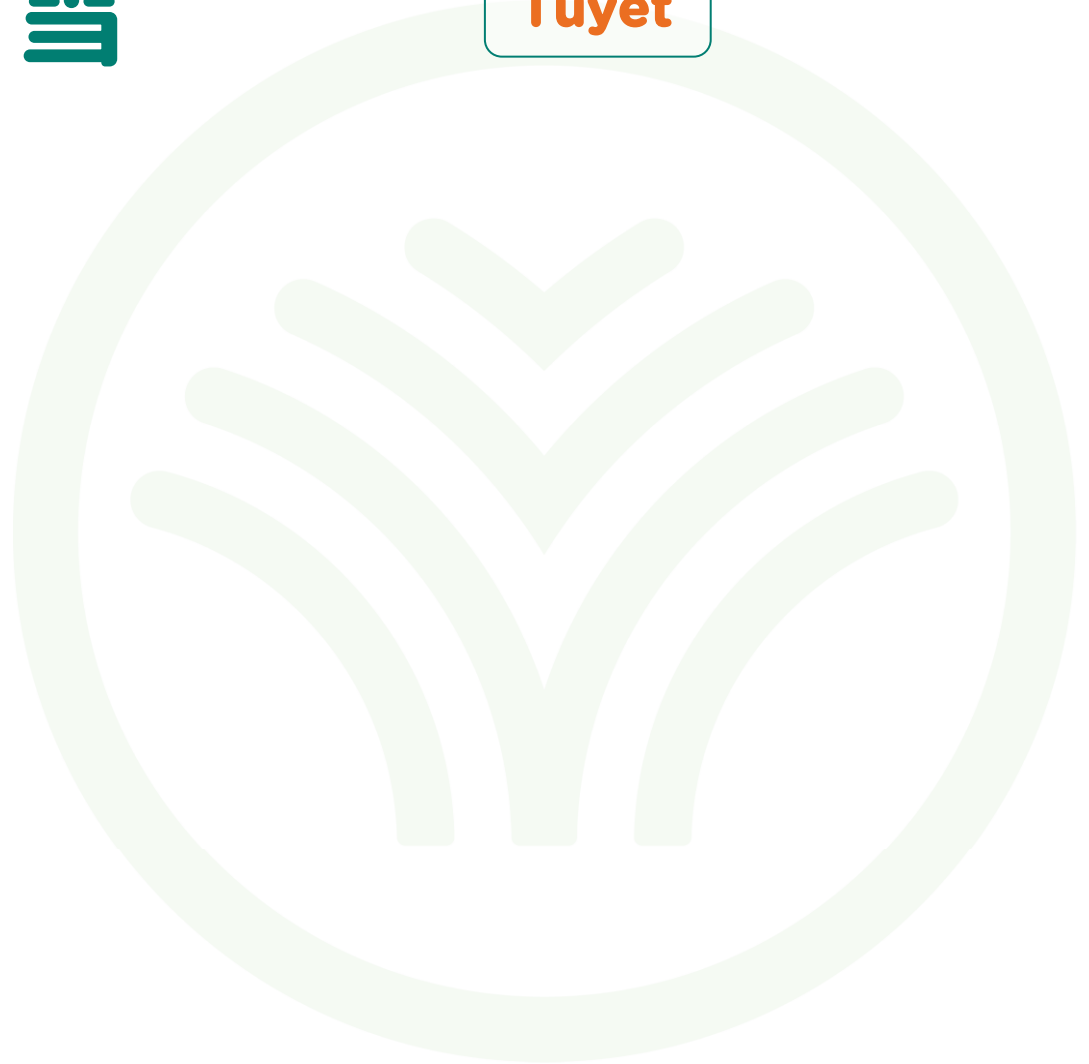
ゆき

音

セツ

ゆき
雪

Tuyết



雲

Vân

訓

くも

音

ウン

くも
雲

Mây

